

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Tập 198

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Minh Tiến

Giáo chánh & nhuận văn: Huệ Trang, Đức Phong và Như Hòa

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai trăm ba mươi lăm, hàng thứ bảy đếm từ dưới lên:

“*Đại Trí Độ Luận Bát Thập Ngũ viết*” (quyển thứ tám mươi lăm trong Đại Trí Độ Luận có nói). Đại Trí Độ Luận gồm có một trăm quyển, “*bát thập ngũ*” nghĩa là quyển thứ tám mươi lăm, trong đó có một đoạn như sau: “*Duy Phật nhất nhân trí huệ vi A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề*” (chỉ có trí huệ Phật gọi là A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề). Trong phần trước, chúng ta đã học: Câu kinh văn này là hy vọng của người học Phật; mục tiêu cuối cùng, mục tiêu cao nhất, chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu nói của Đại Luận (Đại Trí Độ Luận) rất hay, “*duy Phật nhất nhân trí huệ vi A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề*” (chỉ có Phật mới chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), chữ “*nhất nhân*” chỉ địa vị ấy (quả vị Phật). Quả vị do Bồ Tát chứng đắc, ngay cả quả vị của Đẳng Giác Bồ Tát, được gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác, không thêm hai chữ Vô Thượng. Chữ Vô Thượng chỉ được thêm vào khi đã thành Phật. Thật ra, đó đều là trí huệ Bát Nhã vốn có sẵn trong tự tánh của mỗi chúng sanh, trí huệ Bát Nhã chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay trí huệ của chúng ta biến thành phiền não, do đó, trong kinh thường nói “*phiền não tức Bồ Đề*”, đây là sự thật. Khi giác ngộ, sẽ là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Khi mê trí huệ ấy biến chất, biến thành phiền não. Vì lẽ đó, phiền não vô lượng vô biên, mà trí huệ cũng vô lượng vô biên. Đức Phật thấy chúng ta mê mất tự tánh, hết sức đáng thương. Đức Phật cùng các Bồ Tát, đặc biệt là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát cũng đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói thông thường thì các Ngài đều có cùng một đẳng cấp, cùng một địa vị, đều lấy tâm đại bi làm gốc, dùng thiện xảo phương tiện để giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui. Nói thật ra, hoàn cảnh cư trú của chúng ta còn thù thắng hơn thế giới Cực Lạc! Thường Tịch

Quang Tịnh Độ là quê cũ của chúng ta, là cội rễ của chúng ta. Mục tiêu cuối cùng của sự học Phật là trở về cội Thường Tịch Quang, chứng đắc quả vị Diệu Giác. Quả Diệu Giác chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyện này thù thắng khôn sánh! Chúng ta xem tiếp: “*Ác đạo chúng sanh thiện căn vi nhược, phục đa túc nghiệp, môn Phật nguyện lực gia bị, nhiếp thọ vãng sanh. Sanh bi độ dĩ, tất linh thành Phật. Thử thật A Di Đà Như Lai từ bi chí cực chi vô thượng thánh nguyện*” (chúng sanh trong ác đạo thiện căn kém cỏi, lại lắm túc nghiệp, được nhờ nguyện lực của Phật gia bị, nhiếp thọ vãng sanh, sanh sang cõi kia rồi thấy đều thành Phật. Đây thật là thánh nguyện vô thượng từ bi đến cùng cực của Di Đà Như Lai). Câu này có nghĩa là gì? Chúng sanh trong địa ngục có thể thành Phật hay không? Có thể. Vì sao? Chúng ta có thể nói là trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ chủng tử (hạt giống) của mười pháp giới. Chủng tử là nhân, khi gặp duyên, nó sẽ dấy lên hiện hành. Nếu hạt giống Phật trong A Lại Da Thức của các chúng sanh trong địa ngục gặp duyên của Phật, đương nhiên họ sẽ thành Phật, lại còn chỉ trong một niệm! Đây là điều chúng ta có thể tin tưởng, có thể chấp nhận. Vấn đề là họ có thể gặp duyên hay không? Khi gặp được duyên họ có thể tiếp nhận hay không? Then chốt là ở chỗ này. Tại sao chúng sanh trong địa ngục chịu khổ nhiều như vậy? Tội địa ngục đã hết, vẫn phải sanh trong các cõi nga quý, súc sanh? Đó là vì trong địa ngục, tuy Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa trong đó, ngoài Địa Tạng Bồ Tát ra, còn có rất nhiều Phật, Bồ Tát [giáo hóa chúng sanh nơi đó], chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền ứng, vấn đề quan trọng ở đây là túc nghiệp của họ. Nếu thiện căn của họ kém cỏi, dù có gặp duyên của Phật, họ vẫn bỏ lỡ, vấn đề ở chỗ này!

Những chuyện giống như vậy chúng ta cũng đã từng trải qua. Hãy suy nghĩ về chính mình, đời này đã gặp Phật pháp, hãy nên nghĩ tới những người trong địa ngục cũng giống như chúng ta. Chúng tôi từ nhỏ đã có duyên gặp Phật pháp. Lúc ấy, còn ở dưới quê, những phụ nữ mê tín trong làng quê thường đến chùa miếu để thấp hương cầu bình an, cầu gia hộ; lúc nhỏ chúng tôi cũng theo cha mẹ đến chùa miếu cúng bái. Sau này, lớn lên đi học, hấp thụ giáo dục trong nhà trường, biết đó là tôn giáo, là mê tín. Sau khi học mấy năm trong trường, chúng tôi chẳng tin tưởng chuyện [cúng kiếng] nữa, chẳng còn tiếp xúc nữa, đó là gì? Bị túc nghiệp ảnh hưởng, thiện căn yếu kém, có ý nghĩa ấy.

Nếu đời này tôi không gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, làm sao có thể học Phật cho được? Nếu quý vị kể với những bạn học và giáo viên trong ngôi trường tôi đã học rằng tôi đã xuất gia, chắc chắn chẳng có ai tin lời quý vị! Ngay cả bản thân tôi cũng không ngờ mình sẽ xuất gia, chuyện này không thể nào xảy ra được! Tôi theo học Triết với cụ Phương Đông Mỹ, Ngài là một triết gia lỗi lạc đương thời, là một vị giáo sư đại học nổi tiếng ở Đài Loan và cũng nổi tiếng trên quốc tế. Do vậy,

những gì tôi học là Triết học. Cụ Phương giảng khái luận triết học cho tôi, đề mục cuối cùng là giảng về triết học trong kinh Phật, tôi cảm thấy hết sức ngạc nhiên. Lúc giới thiệu Triết học trong kinh Phật, cụ nói: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là một triết gia vĩ đại nhất trên thế giới”*, chúng tôi chưa hề nghe lời ấy, làm sao chúng tôi biết Phật Thích Ca là triết gia, đây là lời khẳng định được thốt ra từ miệng của một triết gia. Cụ nói: *“Triết học trong kinh Phật là Triết học cao nhất trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, câu này rất hấp dẫn, có sức lôi cuốn rất mạnh. Từ bài giảng ngày hôm đó, chúng tôi thay đổi quan niệm sai lầm trước đó, dần dần tìm tòi và hiểu rõ hơn, và cũng đến các chùa miếu. Đến chùa chẳng phải là để thắp hương, cúng bái, mà cũng không phải là để tham dự các hoạt động của họ; đến chùa là để tìm kinh sách. Lúc đó, bên ngoài chẳng bán kinh sách. Thầy bảo: *“Hiện thời, Triết học trong kinh Phật chẳng ở trong chùa”*, ở nơi đâu? Ở trong kinh điển, nhất định phải tìm trong kinh điển thì mới được. Tôi nói: *“Đây là chuyện tốt đẹp!”* Tôi bước vào cửa nhà Phật như vậy đó. Sau khi nhập môn, bèn [học tập] chân thật, vì sao? Có tâm cung kính. Đây là nghiệp chướng! Nếu không có tâm cung kính, dầu được thầy giỏi đến mấy chỉ dạy, quý vị cũng chẳng đạt được lợi ích. Quý vị sẽ nghi ngờ, chẳng tôn kính họ, sẽ không thể tìm được cửa vào. Ấn Quang đại sư đã dạy, dạy rất có lý: *“Một phần thành kính, đạt được một phần lợi ích. Mười phần thành kính, sẽ được mười phần lợi ích”*. Quý vị có thể đạt được bao nhiêu, hoàn toàn tùy thuộc mức độ thành kính đối với Phật pháp. Chẳng ăn nhằm gì đến thầy giáo, mà là do cái tâm thành kính. Sau đó, chúng tôi liễu giải, pháp thế gian và xuất thế gian đều dựa trên lòng thành kính. Không cung kính công khóa mà chính mình đang học, chẳng coi trọng và cung kính thầy giáo, chắc chắn là kẻ đó chẳng học được gì! Đây chính là túc nghiệp và thiện căn đang được đề cập ở đây.

Chúng ta có thể suy tưởng: Chư Phật, Bồ Tát đều từ bi đến cùng cực, toàn tâm toàn lực giúp đỡ hết thảy khổ nạn chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui, đây là sự nghiệp của các Ngài, là sự nghiệp vĩnh hằng, vĩnh viễn chẳng thay đổi. Hết thảy thời, hết thảy chỗ, khi gặp chúng sanh, liền sanh khởi tâm từ bi. Nếu thiện căn của chúng sanh phát hiện, họ chịu tiếp nhận [giáo huấn của Phật, Bồ Tát], họ sẽ được lợi ích, chúng sanh ở địa ngục cũng chẳng phải là ngoại lệ. Chúng tôi tin tưởng: Chúng sanh trong địa ngục tuy tạo nghiệp bất thiện nên đọa địa ngục, nhưng trong đời quá khứ, nhất định có thời gian huân tập Phật pháp khá dài. Do đó, thiện căn trong A Lại Da Thức sâu dày, vừa gặp [Phật, Bồ Tát hóa độ] liền quay đầu, tin tưởng, một niệm tín tâm ấy giúp họ vãng sanh Tịnh Độ. Quá nửa sanh trong Biên Địa Nghi Thành, đây là chuyện rất có thể xảy ra. Tuy có nghi hoặc, nhưng họ chịu nghe lời dạy, thử làm theo: *“Nếu thật sự là đúng, chẳng phải là đã chiếm được tiện nghi ư? Nếu không có thì thôi”*, họ mang cái tâm ấy nên sanh vào Biên Địa Nghi Thành. Họ thật sự sanh sang thế giới Cực Lạc, chẳng giả. Trong

thế giới Cực Lạc có người giúp họ tu hành. “*Mông Phật nguyện lực gia bị*” (nhờ nguyện lực của Phật gia bị) chính là nguyện thứ hai.

Nguyện thứ nhất nói rõ thế giới Cực Lạc không có ba đường ác; nói cách khác, không ai có tham, sân, si. Vì sao? Tham, sân, si là nghiệp nhân của ba ác đạo, cũng tức là nói người trong thế giới Cực Lạc hoàn toàn không có tham, sân, si, mạn, nghi. Chẳng có nhân, chẳng có duyên, đương nhiên sẽ chẳng có quả báo. Vì lẽ đó, cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc chỉ có hai loại quả báo là trời và người. Tuy là thân phận trời người, vẫn được Phật lực gia trì, hưởng đầy đủ sự đãi ngộ của A Duy Việt Trí Bồ Tát, chẳng khác gì A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây là điều thù thắng khôn sánh! Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành Phật trong một đời, chỉ là thời gian sớm hay trễ khác nhau. Sớm hay trễ có liên quan tới tập khí và túc nghiệp. Vì vậy, có người dững mãnh, tinh tấn, thời gian chứng quả sẽ rút ngắn; có người hơi giải đãi, biếng nhác thì thời gian thành Phật của họ sẽ kéo dài, nhưng chắc chắn đều là ngay trong đời này. Thọ mạng của người trong cõi Cực Lạc lâu dài, đều là vô lượng thọ; do đó, họ có đầy đủ thời gian để tu học. Câu kế tiếp là lời tán thán của cụ Hoàng, cụ nói: Đây đích thực là “*A Di Đà Như Lai từ bi chí cực vô thượng thánh nguyện*” (vô thượng thánh nguyện từ bi đến cùng cực của A Di Đà Như Lai), Ngài có nguyện ấy, khiến cho chúng sanh trong ba ác đạo đều có cơ duyên vãng sanh bất thoái thành Phật.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “*Cái dĩ từng ác thú đời nghiệp vãng sanh chi chúng sanh, túc cụ ác nghiệp, ưng đọa ác đạo*” (Ấy là vì chúng sanh từ trong đường ác mang theo nghiệp vãng sanh, vốn đầy đầy ác nghiệp, đáng lẽ đọa vào ác đạo). Nếu họ không gặp Phật pháp, [khi nào] thời gian thọ quả báo trong ác đạo đã hết thì mới có thể thoát ra, thoát khỏi địa ngục. Sau khi thoát khỏi địa ngục, quá nửa là sanh trong ngạ quỷ đạo hoặc súc sanh đạo, cũng có khi sanh trong cõi người hay cõi trời, do gặp duyên khác nhau. Có khi có duyên gặp Phật, tuy gặp Phật, Bồ Tát, họ chẳng thể sanh về Cực Lạc, mà sanh vào cõi Trời hay cõi Người; nhưng sanh trong cõi trời hay cõi người, trong tương lai chẳng tránh khỏi phải đọa trong ba ác đạo lần nữa, không có cách nào né tránh! Do vậy bèn nói: Thoát khỏi lục đạo luân hồi vô cùng khó khăn! Những người này vì được nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, được sanh về thế giới Cực Lạc, “*vãng sanh Cực Lạc, bất phục cánh đọa tam đồ, có viết bất đọa ác thú*” (vãng sanh Cực Lạc, chẳng đọa trong tam đồ nữa, nên bảo là “chẳng đọa đường ác”). Những người này dù sanh đến cõi Cực Lạc, chư vị nhất định phải nhớ, chẳng phải sanh trong Biên Địa. Nếu họ có thể hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, liền được nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, tức là được nguyện A Duy Việt Trí này gia trì. Những chúng sanh có duyên với Ngài trong ba ác đạo có cảm, Ngài sẽ có ứng, Ngài cũng có thể hóa sanh trong ba ác đạo để giúp đỡ và độ họ. Ngài có đọa vào ba ác đạo hay

không? Không thể nào. Ngài từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến ba ác đạo, dùng thân phận Bồ Tát, đến đó để hóa độ chúng sanh, nên vĩnh viễn chẳng còn đọa trong tam đồ nữa.

Tiếp đó, sách viết: “*Có Long Thọ đại sĩ viết: Nhược nhân sanh bỉ quốc, chung bất đọa tam thú*” (Vì vậy, Đại Sĩ Long Thọ nói: “Nếu kẻ nào sanh về cõi kia thì trọn chẳng đọa trong ba đường ác nữa”). Tam Thú (三趣) là ba đường ác, vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác. Chúng ta phải lắng lòng thấu hiểu câu này, mới biết sự thù thắng trong đó. Tội nghiệp ba đường ác của mỗi người chúng ta nặng cỡ nào? [Nghiệp nhân của] tam đồ là tham, sân, si, chúng ta phải thêm vào hai thứ, thành tham, sân, si, mạn, nghi, [gọi chung là] Ngũ Độc, [chúng ta] có hay không? Những ý niệm ấy thường thường khởi lên, chẳng biết mỗi ngày khởi lên bao nhiêu lần, quý vị sẽ biết nghiệp nhân của ba đường ác này nặng đến mức nào! Duyên bên ngoài gồm có tài, sắc, danh, thực, thù (tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ), bên trong có gốc rễ tham, sân, si, mạn, nghi. Bệnh độc trong A Lại Da Thức là gốc rễ. Duyên bên ngoài là tài, sắc, danh, thực, thù. Khi nhân gặp duyên, quý vị liền tạo nghiệp, tạo nghiệp của ba đường ác, quý vị nói xem: Chuyện này có đáng sợ hay không? Mỗi lần khởi lên một ý niệm là một lần tạo nghiệp; mỗi ngày quý vị khởi lên bao nhiêu ý niệm? Quý vị tạo bao nhiêu nghiệp nhân trong ba đường ác? Chúng ta lắng lòng suy nghĩ sẽ biết. Mỗi ngày tôi niệm A Di Đà Phật là tạo tịnh nghiệp của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thời gian niệm Phật ít, thời gian khởi ác niệm nhiều! Ý niệm thiện đang niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, niệm mấy câu liền chẳng thấy [thiện niệm] đâu nữa, chẳng biết đã quên khuấy từ lúc nào. Lúc ý niệm ác khởi lên thì niệm niệm liên tục, quý vị thấy chuyện này lợi hại hay không, có đáng sợ hay không? Lắng lòng suy nghĩ, quan sát, mới biết phiền phức lớn lắm.

Đặc biệt là hiện thời tai nạn đang xảy ra, xã hội động loạn, sống trong thế gian này có ý nghĩa gì đâu? Lưu luyện thế gian này tức là không muốn thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong lục đạo, cõi trời và cõi người kẻ ra vẫn còn đỡ một chút, nhưng thời gian ngắn ngủi, tạm bợ, một trăm năm giống như thời gian khảy ngón tay, đến lúc quý vị bảy tám chục tuổi sẽ biết, chẳng đáng lưu luyện tí nào! Được làm thân người, phải nên tu hành, phải nên thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chuyện tốt trên thế gian chỉ có một chuyện, đó là giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, đó là chuyện tốt. Những chuyện tốt khác đều chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, đều là nghiệp luân hồi. Chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là chuyện tốt. Đã thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, hãy dốc hết tâm lực để niệm Phật. Có nghi hoặc thì phải nghe giảng kinh, phải đọc kinh, giúp quý vị phá mê, sanh tín. Quý vị có nghi hoặc, tín tâm chẳng đủ [nên phải nghe kinh, đọc kinh hồng] giúp quý vị đoạn nghi, sanh tín. Khi tín nguyện đã vững chắc, có thể không đọc kinh, có thể không nghe giảng, nhất tâm niệm Phật là được rồi! Nếu còn nghi hoặc, tín tâm còn chưa vững chắc,

kinh giáo sẽ giúp đỡ quý vị rất nhiều. Nếu không có kinh giáo, rất dễ đọa lạc, tự mình chống đỡ không nổi! Do đó, kinh giáo là trợ duyên của Phật, Bồ Tát đối với chúng ta. *“Hựu Thiện Đạo đại sư viết: ‘Nãi chí thành Phật, bất lịch sanh tử’. Thị tắc hoành xuất u lục thú hỹ”* (Đại sư Thiện Đạo cũng dạy: “Cho đến khi thành Phật, chẳng lẫn lộn trong sanh tử nữa”. Đây chính là vượt ngang ra khỏi sáu đường vậy). Sanh tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn sẽ thành Phật, chắc chắn không đọa trong ba đường ác nữa.

Sau đó, còn có một đoạn: *“Hựu thử chương đại nguyện, nhiếp nhị thù thắng. Nhất giả, ác thú chúng sanh diệc đắc vãng sanh Cực Lạc, bất phục cánh đọa ác đạo, biểu Di Đà bi tâm vô tận, độ hóa vô dư dã”* (Lại nữa, đại nguyện trong chương này bao gồm hai điều thù thắng. Một là chúng sanh trong đường ác cũng được vãng sanh Cực Lạc, chẳng bị đọa vào ác thú nữa, biểu thị Di Đà bi tâm vô tận, hóa độ không sót). Chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa này. *“Nhị giả, phạm vãng sanh giả, tất giai tác Phật, cứu cánh Bồ Đề”* (Hai là hễ được vãng sanh, thấy đều thành Phật, rốt ráo Bồ Đề). Pháp môn này chỉ cần quý vị vãng sanh, phẩm vị cao hay thấp không quan trọng. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã bảo, đây là Ngài tự nói, Ngài hy vọng nhất định được sanh về Tịnh Độ trong đời này, phẩm vị gì? Hạ hạ phẩm là đủ rồi, được như vậy thì Ngài đã mãn nguyện. Thật vậy sao? Thật đó! Ngài đã thật sự thông suốt, vì sao? Quý vị vãng sanh thượng thượng phẩm, bèn là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nhưng hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng, bình đẳng với ai? Bình đẳng với Phật, bình đẳng với A Di Đà Phật. Trong đoạn sau, chúng ta có thể thấy được [điều này], khiến cho chúng ta bái phục A Di Đà Phật năm vóc sát đất, chẳng có lời nào diễn tả nổi! Ngài là người tốt bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc sẽ không thua Ngài một tí nào, đều giống như Ngài! Ngay cả thân thể và tướng mạo cũng giống Ngài. *“Do thử khả kiến Di Đà bốn tâm, niệm niệm nguyện nhất thiết chúng sanh thành Phật”* (do vậy, ta thấy được tâm lòng của Phật Di Đà, niệm niệm đều nguyện chúng sanh thành Phật), chúng ta phải học theo tâm niệm ấy. Thật ra, người thế gian chưa thể thành Phật, mỗi ngày đều tạo nghiệp, là vì họ khởi lên ý niệm gì? Hy vọng tôi tốt hơn bất cứ ai khác! Kẻ nào tốt hơn tôi một chút, tôi liền đố kỵ, liền sanh phiền não. Có ý niệm như vậy thì làm sao thành Phật cho được? Có ý niệm ấy làm sao vãng sanh cho được? Người thật sự muốn có thể vãng sanh trong một đời này, ở đây, quý vị phải đặc biệt chú ý, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở đại chúng: Thật sự cầu vãng sanh thì tâm phải giống như tâm Phật, nguyện phải giống như nguyện của Phật, đức phải giống như đức của Phật, hạnh phải giống như hạnh của Phật. Nếu tâm, nguyện, đức, hạnh của quý vị giống như Ngài, chắc chắn quý vị sẽ vãng sanh. Chân tâm là như vậy đó, mỗi ngày quý vị có niệm Phật hay không đều không sao cả, tự nhiên cảm ứng đạo giao. A Di Đà

Phật có tâm như thế nào? Niệm niệm đều mong mỗi hết thấy chúng sanh mau chóng thành Phật. Há Ngài còn có oan gia, còn có đối đầu nữa sao? Chẳng hề có! Tại sao? Vì hết thấy chúng sanh vốn là Phật, bất luận họ phạm lỗi gì, [nguyên nhân khiến họ phạm lỗi] là gì? Do mê hoặc tạm thời, đó chẳng phải là bản tánh của họ. Điên đảo tạm thời, xử sự bằng tình cảm, chẳng cần phải bận tâm! Nếu ghim trong lòng thì họ đâu có bị thiệt thòi, mà là chúng ta phải chịu thiệt thòi. Quý vị phải suy nghĩ thông suốt chân lý này!

Vì vậy, người thật sự niệm Phật, thật sự cầu vãng sanh phải thấy như thế nào? Phải thấy tất cả hết thấy chúng sanh đều là A Di Đà Phật, khởi tâm cảm ân! Phải thật sự thấy như vậy, không phải là “tôi nên thấy như vậy”, [nếu nói] “nên” thì đã sai mất rồi! Sự thật là như vậy, chẳng giả tí nào! Ai làm được? Thiện Tài đồng tử đã làm được. Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử thành tựu trong một đời, chúng đấng quả vị Phật viên mãn trong một đời, dựa vào gì? Dựa vào điều này. Người giúp đỡ, tán thán, có ân với tôi, tôi niệm niệm đều không quên, những người ấy là Phật, Bồ Tát chăm sóc tôi. Người hủy báng, sỉ nhục, hãm hại tôi cũng là Phật, Bồ Tát, chẳng sai khác gì hết! Đó là Phật, Bồ Tát khảo nghiệm, xem tôi có sanh phiền não hay không. Vừa sanh phiền não liền phải nên cảm kích, vì sao? Thi chưa đậu! Rõ ràng là họ có ân đối với tôi, tại sao tôi lại lấy oán báo ân? Há chẳng phải là hồ đồ hay sao? Họ tham muốn những vật ngoài thân, những vật ở ngoài cái thân này đều là giả, tiền để tôi dùng hay cho họ dùng chẳng phải là đều giống như nhau hay sao? Cần gì phải so đo? Toàn là rỗng tuếch! Do đó, tâm cảm ân phải từ chỗ này mà khởi lên, chẳng có ai ta không cảm ơn cả! Được như vậy thì chúng ta mới có thể thành tựu viên mãn trong một đời này. Khi khởi tâm động niệm, hãy nghĩ xem A Di Đà Phật có bao giờ khởi lên ý niệm ấy hay chẳng? Do đó, phải hiểu đạo lý này: Chân lý chỉ là mê và ngộ. Mê chứ không giác bèn tạo nghiệp, tạo nghiệp thì sẽ luân hồi. Giác chứ không mê là con đường vãng sanh. Nếu người học Phật cảm thấy có kẻ khiến ta chướng mắt, có sự việc ta cảm thấy chướng mắt, sai mất rồi! Quý vị thật sự sai lầm! Người học Phật gặp chuyện gì cũng hoan hỷ. Khi trước, chúng tôi thường nói: “*Người nào cũng là người tốt, việc gì cũng là việc tốt*”. Hãm hại ta cũng là chuyện tốt! Nếu tôi vượt qua sự khảo nghiệm đó, chẳng ghim việc đó trong tâm, chẳng oán hận, chẳng phiền não, vẫn vui vẻ như thường, pháp hỷ sung mãn, như vậy là đúng. Đó là đã thi đậu, phải cảm ơn người đã khảo nghiệm ta. Nếu thi trượt, cũng phải cảm ơn họ. Không đủ điểm, thi trượt thì sao? Ta phải nỗ lực dụng công nhiều hơn, ta chưa qua được thử thách đó. Đã thi đậu thì phải cảm ơn họ, ta đã vượt qua sự thử thách ấy. Vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn, quý vị nghĩ xem: Quý vị sẽ vui sướng, hạnh phúc biết bao! Khi xưa, thầy dạy Phật pháp cho tôi, thầy nói: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Đúng là sự hưởng thụ tối cao, vĩnh viễn cảm ơn, vĩnh viễn hoan hỷ, vĩnh viễn tự tại. Vì thế, chúng ta phải học điều này: “*Niệm niệm đều nguyện cho hết thấy chúng*

sanh thành Phật”. Trong lúc quý vị xích mích với kẻ khác, bất kể là ai, trong tâm chẳng tự tại, chẳng sáng khoái, hãy niệm câu này: “*A Di Đà Phật niệm niệm nguyện cho hết thấy chúng sanh thành Phật*”, oán hận sẽ được hóa giải, phiền não sẽ tiêu trừ hết.

“*Nhi thử nguyện ký dĩ thành tựu*” (nhưng nguyện này đã thành tựu), A Di Đà Phật đã thành Phật trong thế giới Cực Lạc, thành Phật nghĩa là những nguyện mà Ngài đã phát đều viên mãn, đều trở thành hiện thực, “*túc chứng Di Đà trí huệ, công đức, oai thần, lực dụng bất khả tư nghị*” (đủ chứng tỏ trí huệ công đức, oai thần, lực dụng của Phật Di Đà thật chẳng thể nghĩ bàn), đúng vậy! Quý vị hãy xem nhé, biến toàn bộ tập khí phiền não thành trí huệ, công đức, chính mình đã đạt được và thành tựu thanh tịnh, bình đẳng, giác, vô thượng thanh tịnh - bình đẳng - giác, tự lợi, lại còn lợi tha. Do đó, niệm niệm nguyện cho chúng sanh thành Phật là lợi tha, tự lợi lợi tha. Vì vậy, oai thần và lực dụng chẳng thể nghĩ bàn.

“*Mạt vân*”, nghĩa là cuối cùng bèn nói, “*đắc thị nguyện, nãi tác Phật*”, [nghĩa là] Ngài phát nguyện nếu thỏa nguyện này thì mới thành Phật, “*bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác*” (chẳng thỏa nguyện này, chẳng giữ lấy vô thượng Chánh Giác), Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Biểu thử nguyện thành tựu, ngã phương thành Phật*” (ý nói: Nguyện này thành tựu, ta mới thành Phật). Chữ Ta là Pháp Tạng Bồ Tát tự xưng. “*Nhược thử nguyện bất thành, ngã chung bất thành Phật. Cố viết: Bất thủ Vô Thượng Chánh Giác. Dĩ hạ các nguyện, giản vi bất thủ Chánh Giác*” (nếu nguyện này chẳng thành, ta trọn chẳng thành Phật, nên nói rằng: “Chẳng giữ lấy vô thượng Chánh Giác”. Trong các nguyện sau, chỉ nói gọn là “chẳng giữ lấy Chánh Giác”). Như vậy là lược bớt, chỗ này nói đầy đủ sẽ là “*chẳng giữ lấy Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, những nguyện sau đều ghi gọn “*chẳng giữ lấy Chánh Giác*”. Câu văn càng đơn giản, càng dễ thọ trì.

Chúng ta xem kinh văn trong chương thứ hai. Ở đây, [phần lời nguyện được] chia thành hai mươi bốn chương, gồm bốn mươi tám nguyện, bao gồm đầy đủ các ý trong năm bản dịch gốc, chẳng bỏ sót. Chúng ta đọc chương thứ hai, gồm có ba nguyện:

Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới sở hữu chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân, tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng, đoan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác

我作佛時，十方世界，所有眾生，令生我剎，皆具紫磨真金色身，三十二種大丈夫相。端正淨潔，悉同一類。若形貌差別，有好醜者，不取正覺。

(Lúc tôi thành Phật, khiến cho tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi tôi đều được đầy đủ thân sắc vàng ròng trau giồi sáng bóng, ba mươi hai tướng đại trượng phu đoan chánh, tịnh khiết, giống hệt nhau. Nếu họ hình dáng sai khác, có xấu đẹp, thì chẳng giữ lấy Chánh Giác).

Trong phần trước, tôi đã tiết lộ tin tức, ở đây, ta thấy điều đó: Thế giới bình đẳng, mười phương thế giới chẳng có chuyện này! Thứ nhất là “*thân tất kim sắc nguyện*”, tức là “*giai cụ tử ma chân kim sắc thân*” (đều được đầy đủ sắc thân vàng ròng trau giồi sáng bóng). Thứ nhì là “*tam thập nhị tướng nguyện*” (nguyện có đủ ba mươi hai tướng). Từ chữ “*đoan chánh tịnh khiết*” trở đi là nguyện thứ ba: “*Thân vô sai biệt nguyện*” (nguyện thân chẳng sai khác). Chúng ta không có ngôn từ gì để tán thán, khiến cho chúng ta cảm ân chẳng hết! Các cõi nước trong mười phương đều chẳng có [chuyện này], đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, sanh đến thế giới Cực Lạc, [dẫu là] hạ hạ phẩm vãng sanh, hết thấy đều trọn đủ, thật là phi phạm. Sanh trong Biên Địa, kinh đã nói rất rõ: Sanh về Biên Địa là vì lúc vãng sanh, quý vị có nghi hoặc, tín tâm trọn chẳng vững chắc. Nếu quý vị đoạn trừ lòng nghi ấy, sẽ lập tức nhập phẩm (thoát ra khỏi Biên Địa, dự vào chín phẩm vãng sanh), [nghĩa là] hạ hạ phẩm vãng sanh chính là “*nhập phẩm*”. Nhập phẩm thì những điều đã nói trong nguyện thứ hai quý vị đều trọn đủ. Sanh trong Biên Địa Nghi Thành, thời gian dài nhất là năm trăm năm, tức là năm trăm năm trong nhân gian. Kẻ ấy nhất định phải đoạn nghi sanh tín. Do đó, có người ở Biên Địa trong một thời gian rất ngắn, chỉ mấy ngày liền [giác ngộ và] quay lại. Chúng ta thường nghe kinh, thường tụng kinh Vô Lượng Thọ, công đức và lợi ích rất lớn, vì sao? Có thể tăng trưởng tín tâm. Dù cho tương lai sanh trong Biên Địa Nghi Thành thì cũng có thể thoát ra rất mau. Chẳng uổng công nghe giảng kinh này, chẳng uổng sức đọc kinh này! Nghe giảng, tụng kinh có tác dụng như vậy.

Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Hoàng: “*Thử chương cụ tam nguyện*” (chương này gồm ba nguyện). Trong chương thứ hai có đủ ba nguyện. “*Thập phương thế giới sở hữu chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân*” (khiến cho tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi tôi đều đầy đủ thân màu vàng ròng trau giồi sáng bóng) là nguyện thứ ba “*thân tất kim sắc nguyện*” trong bốn mươi tám nguyện. Chẳng nói không kể Phạm Thánh Đồng Cư Độ, chẳng nói hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư Độ không

được bao gồm trong nguyện này. Tức là nói rõ: Chỉ cần sanh về thế giới Cực Lạc, tất cả đều có thân vàng ròng, chẳng có ngoại lệ. “*Sanh bỉ độ giả, thân giai tử ma chân kim chi sắc*” (Đã sanh trong cõi ấy, thân đều có màu như màu của vàng ròng được trau chuốt đến mức sáng bóng). Kế đó là phần giải thích: “*Chân kim sắc giả, cái vi Như Lai chi thân sắc. Thiện Đạo đại sư viết: Chư Phật dục hiển thường trụ bất biến chi tướng, thị cố hiện hoàng kim sắc*” (màu vàng ròng là màu nơi thân Như Lai. Đại sư Thiện Đạo nói: “Chư Phật muốn hiển thị tướng thường trụ bất biến nên hiện ra sắc hoàng kim”). Trong năm thứ kim loại, vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc, ngoài vàng ra, bốn thứ kia đều dễ bị rỉ sét, màu sắc dễ bị thay đổi, chỉ có vàng là không bị sét, nên người ta mới coi vàng là quý giá. Màu của vàng vĩnh viễn không thay đổi, có ý nghĩa như vậy. Do đó, tướng đức Phật hiện ra chính là tướng màu này, vĩnh hằng chẳng biến đổi. Pháp Sư Nhật Khê nói: “*Thử biểu Trung Đạo Thật Tướng sắc*” (màu đó tiêu biểu màu của Trung Đạo Thật Tướng). Vĩnh viễn không đổi màu cũng có ý nghĩa tiêu biểu pháp, biểu thị Trung Đạo Thật Tướng. “*Kim thử đại nguyện, dục linh nhất thiết vãng sanh chi nhân, đồng Phật thân tướng, giai chân kim sắc*” (Nay trong đại nguyện này, Phật muốn khiến cho hết thảy người đã vãng sanh đều có thân tướng giống hệt như thân Phật, đều có màu vàng ròng), đây là nói theo phương diện thể chất, thân Kim Cang bất hoại. Nguyện kế tiếp nói theo tướng mạo, đều giống nhau! “*Thử hiển sanh Phật bất nhị, chân thật bình đẳng*” (Nguyện ấy tỏ rõ chúng sanh và Phật không hai, chân thật bình đẳng). Trong các thế giới khác chẳng bình đẳng!

Trên địa cầu, thưở Thích Ca Mâu Ni tại thế, địa cầu là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni. Tuy đức Phật trụ trong cõi Thật Báo, Ngài thị hiện có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo trong nhân gian, chẳng bình đẳng với nhân loại. Thể chất của chúng ta khác đức Phật, tướng mạo cũng không giống nhau. [Thể chất và tướng mạo của] Ngài thù thắng hơn chúng ta nhiều lắm. Nhưng trong thế giới Cực Lạc, chẳng tìm thấy ai có tướng mạo khác biệt A Di Đà Phật! Hết thảy đều có cùng hình tướng, thân thể giống nhau. Lúc mới bắt đầu học, chúng ta thường có nghi vấn: Sanh về đó, làm sao biết người nào là ai? Rốt cuộc ai mới là A Di Đà Phật? Ai là người mới vãng sanh? Chẳng lẽ không thể nhận ra ư? Đừng bận tâm chuyện ấy! Đến đó, nhờ Phật lực gia trì, quý vị đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nên biết rõ ràng, rành rẽ, vị nào là Phật, vị nào là Quán Âm Bồ Tát, vị nào là đồng tham đạo hữu mà quý vị quen biết, đều biết cả, tuyệt đối chẳng nhận lầm! Vì vậy, trong hiện tại, mà từ xưa đến nay cũng là như vậy, hình Biến Tướng Đồ của Tây Phương Cực Lạc thế giới luôn vẽ [Phật, chư Bồ Tát và nhân dân] tướng mạo không giống nhau, tức là chẳng tương ứng với bốn mươi tám nguyện! Vẽ tượng Phật rất lớn, rất cao, còn tướng những người vãng sanh cõi đó đều vẽ nhỏ hơn, sai mất rồi! Thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh; hoa sen vừa nở, khi ấy, tướng của người vãng sanh giống hệt như tướng của A Di Đà Phật.

“*Cổ Hội Sớ* viết: *Thị cố nguyện ngôn, ngã quốc nhân dân, thuần nhất kim sắc, vô hữu hảo ác*” (Vì vậy, sách *Hội Sớ* nhận xét: “Do đó, nguyện rằng nhân dân trong cõi tôi thuần một sắc vàng, chẳng có xấu, đẹp”), mọi người đều giống nhau, “*bỉ ngã bình đẳng, tình tuyệt vi thuận*” (ta và người đều bình đẳng, dứt tuyệt ý tưởng trái, thuận). Ý này rất hay! Tại sao A Di Đà Phật thị hiện như vậy? Quý vị thử nghĩ xem, Ngài đến mười phương thế giới khảo sát, tham quan, lấy điều hay, bỏ điều dở trong hết thảy các cõi nước chư Phật, [Ngài nhận thấy] thân thể và tướng mạo của chúng sanh sai khác sẽ đem đến rất nhiều phiền phức. Người có tướng tốt sẽ kiêu căng, ngã mạn, người có tướng xấu sẽ đổ kỹ chướng ngại, như vậy chẳng phải là sanh ra phiền não hay sao? Do đó, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối nghiệp vãng sanh, phiền não vĩnh viễn sẽ chẳng dấy lên, vì sao? Vì chẳng có duyên! Trong thế giới Cực Lạc, tướng mạo của ai nấy đều giống nhau, chẳng cần phải chọn lựa, mọi người đều bình đẳng. Do đó, tâm của người trong cõi Cực Lạc vĩnh viễn giữ gìn thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đây là trí huệ và lợi ích chân thật của A Di Đà Phật. Quý vị sanh trong thế giới khác, chắc chắn sẽ có những ngoại duyên ấy khiến cho tập khí phiền não dấy lên, còn cõi Cực Lạc chẳng có. “*Hội Sớ chi thuyết, chánh hiển Trung Đạo Thật Tướng chi nghĩa*” (thuyết của sách *Hội Sớ* thật sự đã trình bày tỏ tường ý nghĩa của Trung Đạo Thật Tướng). Vì lẽ đó, không thể chẳng đến thế giới Cực Lạc! Quý vị tìm đâu ra một chỗ tốt đẹp như vậy? Có những ngoại duyên đó, tức các duyên bất đồng, sẽ khiến cho quý vị tạo nghiệp. Chỉ có cõi Cực Lạc là quý vị không có cách nào tạo nghiệp, vì thể chất của mọi người đều giống nhau.

Đoạn kế tiếp nói về tướng mạo: “*Tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng*” (ba mươi hai tướng đại trượng phu), đây chính là “nguyện ba mươi hai tướng tốt”. “*Quốc trung thiên nhân*” (trời, người trong cõi nước ấy), nói rõ cõi Phạm Thánh Đồng Cư “*giai thị tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng, thị vi đệ tứ nguyện, xưng vi thập nhị tướng nguyện. Tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng, hựu danh tam thập nhị đại nhân tướng, giản xưng tam thập nhị tướng. Thử tam thập nhị tướng, bất hạn u Phật, Chuyển Luân Thánh Vương diệc cụ thử tướng*” (đều đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu là nguyện thứ tư, [nguyện này] còn gọi là “nguyện ba mươi hai tướng”. Ba mươi hai tướng đại trượng phu còn gọi là ba mươi hai tướng đại nhân, gọi tắt là ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng này chẳng phải riêng mình đức Phật mới có, Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đủ ba mươi hai tướng). Đức Phật Thích Ca giới thiệu thế giới Cực Lạc, có nhiều chỗ còn dè dặt, [vì phải] tùy thuận kiến thức thông thường của chúng sanh trên thế gian này, vì sao? Vì nếu nói sự thật, quý vị sẽ không tin. Nói là “ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp” thì quý vị mới tin, vì sao? Vì thế giới này có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ai có? Chuyển Luân Thánh Vương có; bởi lẽ, tướng tốt là phước báo.

“Trí Độ Luận bát thập bát” (quyển thứ tám mươi tám của Trí Độ Luận), trong quyển ấy có nói, “vị Phật hiện thử đại nhân tướng giả, nhân tùy thử gian Diêm Phù Đề trung Thiên Trúc quốc nhân sở thuyết, tắc vị hiện tấp¹ nhị tướng” (Phật hiện ra tướng đại nhân này là vì “thuận theo quan niệm của người Thiên Trúc nơi cõi Diêm Phù Đề trong thế gian, nên hiện ra ba mươi hai tướng). Thuyết này rất tuyệt, “Phật bốn lý tướng, nhi hiện tướng giả, thuận thế gian tập tục cố” (Phật vốn là tướng, lại hiện có tướng, là thuận theo tập tục thế gian vậy). Nếu nói thật với quý vị thì trong đại kinh có nói, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới biết. Điều thù thắng khôn sánh trong cõi Cực Lạc là các hàng trời, người đều có hình tướng như vậy: Ai cũng có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng mà thôi! Nói thật với quý vị, xác thực là không ai có thể sánh bằng. Trong mười phương thế giới, tướng của chư Phật, tướng của Bồ Tát, Thanh Văn, trời, người đều có sai khác, chẳng giống nhau, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là thể chất giống nhau, tướng mạo giống nhau.

Đức Thế Tôn đã thuận theo kiến thức thông thường của chúng sanh để nói. Tiếp theo đó, cũng giới thiệu [ba mươi hai tướng] đơn giản một chút. “Hựu Pháp Giới Thứ Đệ hạ” (lại nữa sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyển hạ), “hạ” là quyển hạ, “Nhu Lai ứng hóa chi Thế, hiện thử tam thập nhị tướng, dĩ biểu Pháp Thân chúng đức viên cực, sử kiến giả ái kính, tri hữu thắng đức khả sùng, nhân thiên trung tôn, chúng thánh chi vương. Cố vị hiện tam thập nhị tướng” (Nơi thân ứng hóa của đức Như Lai thị hiện ba mươi hai tướng này để biểu thị Pháp Thân có các đức viên mãn đến cùng cực, khiến cho người khác trông thấy liền yêu kính, biết Phật có đức hạnh thù thắng đáng tôn sùng, là bậc tôn quý trong trời người, là vua của chư thánh. Vì vậy, Phật thị hiện có ba mươi hai tướng). Các vị đồng học chúng ta nên biết chư Phật, Bồ Tát, kể cả A La Hán, khi ứng hóa trên thế gian đều hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng” (thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng hiểu biết của họ). Ba mươi hai tướng ấy tương ứng với sự hiểu biết của chúng sanh. Nếu nói “thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo” thì chúng sanh chưa bao giờ nghe nói tới. Do vậy, phải dùng tri kiến bình thường của chúng sanh, trong tâm họ thường mong mỏi: “Tôi phải trọn đủ những tướng tốt nào, trong sách tướng số cũng có ghi [những tướng tốt đẹp ấy]”, [chư Phật bèn] dùng phương pháp ấy để xứng hợp lòng ưa thích của chúng sanh, cho nên hiện tướng ấy. Như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật [có nêu ra một tỷ dụ]: Đức Phật dẫn dụ chúng sanh khiến cho họ tiếp nhận Đại Thừa, nhưng họ không chấp nhận. Do

¹ Tấp (卅) là ba mươi.

đó, Ngài nêu ra ba loại xe. Quý vị thích xe nhỏ, đức Phật bảo quý vị ngoài cửa có một chiếc xe dê. Rất nhiều người thích xe dê, đủ để một người ngồi mà thôi. Lại bảo quý vị còn có xe nai, có rất nhiều xe nai, mọi người đều ưa thích. Rồi cuộc, ra ngoài cửa chỉ có xe ngựa, xe ngựa lớn nhất, chẳng có xe dê hay xe nai, chỉ có xe ngựa, toàn là xe lớn. Đây là một phương pháp khéo léo của Phật để dẫn dắt chúng sanh. Ở đây cũng vậy, nói với quý vị ba mươi hai tướng đại tượng phu, quý vị nghe xong vô cùng hoan hỷ, đến thế giới Cực Lạc, [sẽ thấy] còn thù thắng hơn nhiều, quý vị mới thật sự sanh tâm hoan hỷ lớn lao.

Ở đây có một câu tiêu biểu pháp, câu này rất quan trọng “*biểu Pháp Thân chúng đức viên cực*” (biểu thị Pháp Thân có các đức viên mãn đến cùng cực), viên mãn tốt độ! Thân ấy có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. “*Sử kiến giả ái kính*” (Làm cho người trông thấy liền yêu kính), vì sao? Tướng Đức viên mãn hiển lộ. Đây là nói tập khí vô minh vô minh đều đoạn sạch. Khi tập khí chưa đoạn, tướng ấy có hiện không? Vẫn hiện! Tập khí chưa đoạn dứt. Nói thật ra, lúc minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật thì sẽ hiện tướng, chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Thường nói là “*thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”, tướng ấy hiện ra. Lúc hiện ra, mức độ rõ rệt kém hơn một chút. Thí dụ như so giữa vô lượng tướng hảo của Thập Trụ Bồ Tát và Thập Hạnh Bồ Tát thì tướng của Thập Hạnh Bồ Tát rõ ràng, Thập Trụ Bồ Tát kém hơn một chút. Thập Hạnh Bồ Tát lại kém hơn Thập Hồi Hướng Bồ Tát một chút. Thập Hồi Hướng Bồ Tát lại kém hơn Thập Địa Bồ Tát một chút, đó là gì? Do tập khí vô minh của họ chưa đoạn. Thật ra, hết thấy [các tướng] đều có, chẳng phải là không có, nhưng đạt đến quả vị Đẳng Giác, [các tướng ấy] sẽ hiện ra viên mãn; đến quả vị Diệu Giác thì chẳng còn nữa, quả vị Diệu Giác trở về tự tánh. Do vậy, đạt đến quả vị Đẳng Giác là viên mãn nhất. Khi đạt đến quả vị Diệu Giác, phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tướng ấy cũng chẳng còn nữa, trở về tự tánh. Trong kinh này có nói ba thứ chân thật, cái được gọi là “*chân thật chi tế*” chính là trở về tự tánh.

Chúng ta mê là mê từ tự tánh, một niệm bất giác, tự tánh biến thành A Lại Da, đến cuối cùng, khi nhập địa vị Diệu Giác, trở về tự tánh, giống như một sự tuần hoàn rất lớn. Sau đó, có còn tuần hoàn như vậy nữa hay không? Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hỏi giùm chúng ta câu hỏi này, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: Sẽ chẳng mê trở lại. Chúng ta có thể tin tưởng hay không? Có thể chứ! Vì chúng ta đã trải qua chu trình ấy, đã tỉnh mộng rồi, đều đã từng trải qua, đều có kinh nghiệm, sẽ chẳng mê nữa, đều biết đó là sự việc như thế nào. Lúc chưa có kinh nghiệm, rất khổ; lúc mê, chẳng hay, chẳng biết, khởi tâm động niệm, tạo tội, thọ báo, do vậy, tạo nên mười pháp giới, tạo luân hồi, tạo ra ba đường ác. Sau khi trở về tự tánh, sẽ chẳng như vậy nữa. Trong khắp pháp giới, hư không giới, vẫn

còn có một số người chưa quay lại, rất nhiều người như vậy, tự tánh khởi tác dụng, cũng là Diệu Giác Cứu Cánh Phật khởi tác dụng: Chỗ nào có cảm, bèn ứng hiện chỗ đó; ngay trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng có ứng. Trong cõi Thật Báo có cảm, thì các Ngài ứng đến đó. Chuyện cảm ứng đạo giao này, nói thật ra là ở ngay trong lúc đó, vì nó không có thời gian và không gian. Không có thời gian thì chẳng có trước sau, không có không gian thì chẳng có khoảng cách, tức là ngay ở trong lúc đó, những chuyện này đều là sự thật.

Chúng ta xem lời giải thích đơn giản trong phần kê tiếp: “*Tam Tạng Pháp Số tứ thập bát*” (theo Tam Tạng Pháp Số, quyển bốn mươi tám). Hiện thời, Tam Tạng Pháp Số có rất nhiều bản in, số trang khác nhau. Trong bản Tam Tạng Pháp Số tôi đang dùng, [điều sắp nói được ghi trong] trang năm trăm hai mươi tám. Trong sách ấy, [điều đó được chép trong] quyển bốn mươi tám. Chúng ta xem trang năm trăm hai mươi tám, sách ấy nói rõ hơn một chút, chúng ta hãy đọc thử.

Tướng thứ nhất là: “*Túc an bình tướng*” (bàn chân bằng đầy), tức là lòng bàn chân không có chỗ nào lõm xuống, đều bằng phẳng. Chúng ta có thể thấy bàn chân của trẻ sơ sinh bằng phẳng, chân Phật cũng bằng phẳng, nên gọi là “*an bình tướng*”, chẳng có chỗ nào bị lõm xuống. Tôi cũng nghe nói: Hiện thời, nếu đi lính mà bàn chân bằng phẳng như vậy, người ta sẽ không tuyển người đó. Quý vị thấy mỗi địa phương có phong tục khác nhau, người Ấn Độ cho đó là hảo tướng, còn nay chúng ta tuyển lính lại chê. Do đó, cổ nhân chú giải rất hay, nói đó là tập tục của Ấn Độ, họ cho rằng đó là tướng tốt.

Tướng thứ hai: “*Thiên bức luân tướng, túc hạ hữu luân hình giả*” (tướng bánh xe ngàn căm: Dưới bàn chân có hình bánh xe). Đây là nói tới các lằn chỉ trong bàn chân, giống như chỉ tay vậy, mỗi ngón tay đều có hoa tay. Dưới chân đức Phật có hình bánh xe, được gọi là tướng bánh xe ngàn căm. Tướng này tương đối ít thấy.

Tướng thứ ba: “*Thủ chỉ tiêm trường tướng, thủ chỉ tế trường giả*” (Tướng ngón tay dài nhọn, tức là ngón tay thon dài). Đây là một tướng tốt.

Tướng thứ tư: “*Thủ túc nhu nhuyễn tướng*” (tướng chân tay mềm mại). Người Trung Quốc cũng cho đây là tướng tốt. Nếu quý vị bắt tay với người giàu sang, tay họ mềm như bông gòn, đúng là khác hẳn.

Tướng thứ năm: “*Thủ túc man tướng*” (tướng chân tay có màng lưới). Tướng này rất ít thấy, giữa các ngón chân và ngón tay có màng lưới nối liền nhau giống như chúng ta thấy loài ngỗng hay vịt, giữa các ngón chân của chúng có màng nối liền. Đó là tướng thứ năm.

Tướng thứ sáu: “*Túc cấn mãn túc tướng, cấn thị túc chủng, chủng viên mãn vô ao xú*” (Tướng gót chân đầy đặn: Cấn (跟) là gót chân, gót chân đầy đặn không khuyết). Lũ phàm nhân chúng ta không có tướng viên mãn này.

Tướng thứ bảy: “*Túc phu cao hảo tướng*” (tướng lưng bàn chân vun tròn). “*Phu*” (趺) là mu (lưng) bàn chân. Chúng ta ngồi xếp bằng tĩnh tọa gọi là “*già phu tọa*”. Đây là nói mu bàn chân, “*túc bối cao khởi nhi viên mãn giả*” (mu bàn chân cao đầy, tròn trịa).

Tướng thứ tám: “*Thuyên như lộc vương tướng*” (tướng bắp đùi như nai chúa). Ta gọi “*thuyên*” (踠) là bắp đùi, xác thực là đùi nai. Nai chạy rất nhanh vì đùi nai rất khỏe. Do vậy, quý vị thấy đùi nai tròn trịa, đây là một tướng khoẻ mạnh.

Tướng thứ chín: “*Thủ quá tất tướng*” (tướng tay dài quá gôi), tay dài qua khỏi đầu gôi. Tay người thường không dài như vậy, nhưng chúng ta thấy tay của khỉ vượn rất dài. Đây là một tướng tốt.

Tướng thứ mười: “*Mã âm tàng tướng, Phật chi nam căn, mật tàng thể nội, như mã âm dã*” (Tướng mã âm tàng: Nam căn của Phật ẩn kín trong cơ thể như âm ngựa).

Tướng thứ mười một: “*Thân tung quảng tướng*” (tướng thân to rộng), thân thể cao ráo và “*đầu túc chi cao, dĩ trương lưỡng thủ chi trường tương tề dã*” (Chiều cao từ chân tới đầu bằng với khoảng cách hai tay giang ra).

Tướng thứ mười hai: “*Mao khổng sanh thanh sắc tướng, nhất nhất mao khổng sanh thanh sắc chi mao, nhi bất tạp loạn*” (tướng lỗ chân lông có sắc xanh: Nơi mỗi lỗ chân lông mọc một sợi lông có màu xanh, nhưng các sợi lông chẳng mọc loạn xạ). Đại khái là người Ấn Độ lắm lông hơn chúng ta. Quý vị thấy lông của người ngoại quốc đều rất dài, sẫm màu. Chúng ta thường thấy màu tro hoặc đen, chứ màu xanh khá ít thấy.

Tướng thứ mười ba: “*Thân mao thượng mị tướng*” (Lông trên thân mượt đẹp), lông trên thân mịn, mọc xoáy về phía phải, hướng lên trên.

Tướng thứ mười bốn: “*Thân kim sắc tướng*” (tướng có thân sắc vàng), trong phần trước chúng ta đã nói, thân Phật có màu vàng ròng.

Tướng thứ mười lăm “*Thường quang² nhất trượng tướng, thân phóng quang minh, tứ diện các nhất trượng*” (Tướng thân có thường quang chiếu xa một trượng: Thân Phật tỏa quang minh, mỗi phía đều chiếu xa đến một trượng). Trên thực tế, người Trung Quốc gọi Quang là Khí. Người luyện Khí Công biết, họ có thể thấy được Khí, trong Phật pháp gọi là Quang. Quang lớn nhỏ khác nhau, màu sắc khác nhau. Thông thường, nhìn vào Khí, có thể biết tình trạng sức khỏe nơi thân thể của một người, lại còn có thể thấy rất chính xác. Có thể thấy rằng: Đích thực là có Quang! Hiện thời, do tâm chúng ta sôi nổi, tạp niệm quá nhiều, nên chẳng trông thấy, đã mất khả năng này; nhưng trẻ nít có thể nhìn thấy. Trẻ nít ngây thơ, không có tạp niệm, nên có thể nhìn thấy. Dần dần lớn lên, do vọng niệm nhiều sẽ không nhìn thấy nữa! Nhưng trẻ nhỏ ngày nay khác thuở xưa, trẻ nhỏ thuở trước, lúc tám chín tuổi vẫn còn thể thấy những thứ người thông thường chẳng thấy. Tôi nghĩ trẻ nhỏ hiện thời ba tuổi thì đã không được rồi, vì sao? Mỗi ngày từ sáng tới tối xem TV, TV đã nhiều loạn chúng nó, rối loạn những năng lực sẵn có của chúng.

Tướng thứ mười sáu: “*Bì phu tế hoạt tướng*” (tướng da dẻ mềm mại, mượt mà), tướng này chúng ta dễ hiểu.

Tướng thứ mười bảy: “*Thất xứ bình mẫn tướng*” (tướng bảy chỗ bằng phẳng, đầy đặn). Bảy chỗ là hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và đánh đầu. Bảy chỗ ấy đều bằng phẳng, đầy đặn, không bị khuyết hãm.

Tướng thứ mười tám: “*Lưỡng dịch mẫn tướng, dịch hạ sung mẫn*” (tướng hai nách đầy đặn, dưới nách tròn đầy)”. Phần dưới nách chúng ta đều bị lõm vô, nhưng trên thân Phật, chỗ này tròn đầy.

Tướng thứ mười chín: “*Thân như sư tử tướng. Thân thể bình chánh, oai nghi nghiêm túc*” (tướng có thân hình như sư tử. Thân thể đầy đặn, đẹp đẽ, oai nghi đoan nghiêm). Oai nghi là dung mạo, cử chỉ, tất cả các tư thái động tác “*như sư tử vương*” (như sư tử chúa). Chúng ta ít thấy sư tử, nhưng trong truyền hình, trong chương trình động vật kỳ quan thì có thể trông thấy.

Tướng thứ hai mươi: “*Thân đoan trực tướng, thân hình đoan chánh, vô ử khúc giả*” (Tướng thân thể đoan trực, thân hình đoan chánh, không cong vẹo). “*Ử khúc*” (區曲) là như lưng cong, hay lưng gù. Chẳng có tướng [cong vẹo] ấy!

² Thường quang là quang minh thường chiếu ra nơi thân Phật. Gọi là Thường Quang để phân biệt với Phóng Quang là quang minh do đức Phật phóng ra khi thọ ký hoặc sắp tuyên giảng đại pháp. Một Trượng là 3,33 m.

Tướng thứ hai mươi mốt: “*Kiên viên mãn tướng. Lương kiên viên mãn nhi phong du giả*” (tướng vai tròn đầy, hai vai tròn trịa, đầy đặn), có nghĩa là hai vai rất viên mãn, đầy đặn.

Tướng thứ hai mươi hai: “*Tứ thập xỉ tướng*” (Tướng có bốn mươi cái răng). Phật có đủ bốn mươi cái răng. Người thường chúng ta chỉ có ba mươi sáu cái răng, bốn mươi cái răng là quý tướng.

Tướng thứ hai mươi ba: “*Xi bạch tề mật tướng*” (tướng răng trắng, khít, bằng). Không chỉ có bốn mươi cái răng, mà răng Ngài còn đều rất cứng cáp, trắng sạch, bằng đều nhau.

Tướng thứ hai mươi bốn: “*Tứ nha bạch tịnh tướng*” (tướng bốn răng nanh trắng sạch), đây là nói tới bốn cái răng nanh, tức bốn cái răng to ở hàm trên và hàm dưới, răng nanh đó mà!

Tướng thứ hai mươi lăm: “*Giáp xa như sư tử tướng*” (tướng má tròn đầy như sư tử). Hai gò má tròn đầy, giống như sư tử hai bên má đều có tóc mai, râu, hình thể cân đối, tròn đầy.

Tướng thứ hai mươi sáu: “*Yết trung tân dịch đắc thượng vị tướng. Phật chi yết hầu trung, thường hữu tân dịch, phàm thực vật, nhân chi đắc thượng vị*” (tướng nước miếng trong họng có vị ngon ngọt nhất: Trong cổ họng Phật thường có chất nước miếng khiến cho ăn vật gì cũng trở thành thơm ngon nhất). Chúng ta có thể hiểu điều này. Vì thế, thuở đức Phật tại thế, ra ngoài khát thực, người ta cho gì Ngài ăn nấy, tuyệt đối chẳng chọn lựa. Đã thế, Tăng đoàn thật sự là một đoàn thể Lục Hòa, bình đẳng. Khi thác bát (trì bát khát thực) bèn chia ra (thành nhiều nhóm nhỏ) đi khắp các đường phố, ngõ hẻm để khát thực. Quý vị thấy một đoàn thể lớn như vậy, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, tôi tin là phải chia thành nhiều tổ nhỏ. Mỗi người đi khát thực, xin xong, trở về cùng ăn chung. Khi quay về, bèn dón chung lại, thật đúng như câu nói: “*Một bát, cơm ngàn nhà*”, nên bình đẳng. Quý vị xin được thức ăn rất ngon, người khác xin được thức ăn dở, mọi người đều trộn chung lại. Đã trộn chung lại, chúng tôi tin tưởng khi được đức Phật gia trì thì mùi vị đều trở thành món ăn ngon lành nhất, cảnh chuyển theo tâm mà! Ngài có năng lực ấy.

Tướng thứ hai mươi bảy: “*Quảng trường thiết tướng. Thiết quảng nhi trường, nhu nhuyễn, tế bạc, triển chi tắc phú diện nhi chí u phát tế giả*” (tướng lưỡi rộng dài: Lưỡi to mà dài, mềm mại, thanh mảnh, khi thè ra che cả khuôn mặt đến tận mí tóc). Phật có tướng lưỡi rộng dài, lưỡi thè ra rất mỏng, có thể che cả khuôn mặt.

Đối với các tướng này, ở đây chẳng nói đến nhân. Trong ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, mỗi tướng hảo đều có nhân. Do vậy, kinh có nói Bồ Tát tu hành chứng quả, trước khi thành Phật, phải dùng thời gian dài một trăm kiếp để tu tướng hảo. Vì sao? Tướng hảo là tu phước báo. Nếu không có phước báo, người ta không thích quý vị. Khi quý vị đến giúp người khác, họ không tiếp nhận, không chịu tiếp nhận; do vậy, phải tu phước báo. Điều này cũng nhằm ban cho chúng ta một sự khái thị, hy vọng chúng ta đều có thể phước huệ song tu. Nếu quý vị tu phước, không tu huệ, tức là phạm phu. Tu huệ, không tu phước, quý vị sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Tôi có đọc một bài văn, [tức là] một lá thư do ông Tăng Quốc Phiên gửi cho bạn. Trong đó, ông Tăng Quốc Phiên cảm thán thời thế mỗi ngày một suy vi. Ông nói rất nhiều kẻ, thậm chí là kẻ đọc sách mà vẫn tham danh lợi, chẳng thật lòng vì nước vì dân, toàn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng cá nhân, hết sức đáng cảm khái! Họ làm quan lớn, giữ địa vị cao, hưởng bổng lộc dồi dào, trọng hậu, lại thoái thác trách nhiệm, chẳng chịu thật sự dốc sức phục vụ nhân dân. Ông thật sự gặp người tốt, nhưng người tốt đó có địa vị rất thấp, lại còn chẳng có cơ hội, chẳng được trọng dụng. Vì vậy, suốt đời khốn đốn, sau cùng ôm hận mà chết. Đối với chuyện này, ông vô cùng cảm khái. Người học Phật chúng ta biết tại sao lại như vậy? Vì sao người tốt chẳng được hưởng quả báo tốt? Họ có trí huệ, nhưng thiếu phước báo, vì đời trước tu huệ, chẳng tu phước, nên họ phải chịu quả báo như vậy. Những kẻ làm quan lớn, chẳng có tâm yêu nước thương dân chi cả, nhưng họ lại có địa vị cao quý, là vì họ có tu phước, chẳng tu huệ, nên có phước báo lớn. Chúng ta hiểu rất rõ ràng, liễu giải chân tướng sự thật. Do vậy, gặp Phật, quý vị sẽ đạt được [phước huệ], thật sự đạt được viên mãn. Nếu phước không đủ thì cũng được [Phật dạy phương pháp tu để] tăng thêm phước. Nếu huệ không đủ thì sẽ được [Phật dạy phương pháp tu để] tăng thêm huệ. Hễ gặp Phật pháp thì tất cả sẽ đầy đủ, đại viên mãn.

Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng xuất gia, Ngài sẽ làm vua, cho thấy phước báo của Ngài rất lớn. Tuy xuất gia, dạy học, đệ tử thường theo Ngài có tới một ngàn hai trăm năm mươi người, đó là những vị thường đi theo Ngài; còn những người không thường theo Ngài, hoặc chỉ theo học trong một thời gian ngắn, tôi phỏng đoán khoảng ba ngàn người. Có một đoàn thể đông đảo như vậy, đó là phước báo. Ngài được đại chúng trong xã hội cung kính, tán thán, mỗi người đều là học trò tốt, những người đi theo Ngài đều là phước huệ song tu, tiếp nhận lời dạy của đức Thế Tôn. Sau đó, họ dạy lại người khác, đi khắp bốn phương tám hướng để dạy học; do đó, phước huệ song tu. Đây là nói chúng ta phải xem trọng cả phước lẫn huệ, đức Phật đặc biệt coi trọng tu phước. Lúc chúng tôi mới bắt đầu theo học với thầy Lý, khi thầy chỉ dạy chúng tôi luôn nhắc nhở chúng tôi đừng lơ là tu phước. Nếu không có phước báo, thầy nói rất rõ ràng: *“Nếu anh có Huệ, giảng kinh đến mức hoa trời rơi lá tả, nhưng sẽ như thế nào? Sẽ chẳng có ai nghe,*

đó là gì? Vì chẳng có phước báo, chẳng có duyên với người ta”. Do đó, phải coi trọng tu phước, thầy thường nhắc chúng tôi phải kết pháp duyên, phải tu phước. Đám học trò chúng tôi cũng rất nghèo, tiền thù nhập rất ít, tu phước bằng cách nào đây? Thầy rất khéo léo. Mỗi tuần, thầy giảng kinh hai lần, một lần ở thư viện, một lần ở liên xã. Thầy dạy những người học giảng kinh chúng tôi, hai mươi mấy người, vào những ngày thầy giảng kinh, chúng tôi đến tiếp đãi. Tiếp đãi là tu phước. Chúng tôi đứng ở cửa chào đón mọi người đến dự, hướng dẫn mọi người, xếp chỗ ngồi cho họ, phát kinh sách. Thầy nói: “Nếu các anh có chút tiền lẻ, hãy mua đậu phộng, phát cho mỗi người một hạt, hoặc một viên kẹo. Đó đều là tu phước, đều là kết duyên”. Chúng tôi học từ chỗ ấy. Do vậy, sau này pháp duyên thù thắng, càng kết duyên càng rộng. Phải thật sự làm thì mới được.

Đức Phật dạy chúng ta đừng tích lũy tiền tài, vì *“tích tài thương đạo”* (tích lũy tiền tài thì tổn thương đạo). Nếu có tiền tài thì sao? Có tiền tài thì phải bố thí, [tiền tài] từ mười phương đến thì trở về mười phương, hiệu quả là ngày càng nhiều, ngày càng thù thắng. Càng thù thắng thì phải làm nhiều hơn, không làm không được. Phương pháp tốt nhất là gì? Đời này tôi học theo Ấn Quang đại sư, suốt đời Ấn Quang đại sư dùng tiền mười phương cúng dường cho Ngài để làm một chuyện là pháp bố thí. Quý vị thấy Ngài dùng tiền do người khác cúng dường cho Ngài để lập ra Hoàng Hóa Xã. Hoàng Hóa Xã giống như một nơi lưu thông kinh Phật. Ngài có thể tự xuất bản. Lúc đó, Ngài đã mua một bộ máy, đó là máy xếp khuôn chữ bằng chì. Ngài còn có công nhân, tức là có công nhân sắp chữ, có người giao chánh, đối chiếu, biên tập, giống như một thư cục vậy, có thể tự in, in rất đẹp! Bản in của Hoàng Hóa Xã có khổ chữ lớn, rõ ràng, dùng giấy in cũng tốt, rất chú trọng phẩm chất. Quý vị đọc các bản sách ấy rất thích, vì ít chữ sai. Ít chữ sai thì gọi là bản in tốt. Do đó, so với những bản in tốt trong thời cận đại, có thể nói là sách của Hoàng Hóa Xã xứng đáng là những bản in tốt đẹp. Vì vậy, đây là một chuyện rất khó có, chúng tôi học theo lão hòa thượng: Suốt đời lão hòa thượng chỉ làm một chuyện này mà thôi. Lúc gặp tai nạn, lão hòa thượng cũng làm việc cứu trợ, lấy tiền từ đâu [để cứu trợ]? Lấy từ ngân khoản in kinh sách để làm chuyện này; nhưng in kinh, ấn tống thiện thư là việc chính yếu, cả đời Ngài chẳng làm việc gì khác, chẳng xây chùa, ở nhờ đạo tràng của người khác, chỉ làm một việc này. Tôi cảm thấy làm như vậy rất tốt, đỡ bận lòng, chẳng bị vướng bận mấy may. Lưu thông Phật pháp trên toàn thế giới, việc này thật chẳng dễ dàng!

Hiện nay, chúng tôi làm rất nhiều việc. Chúng tôi có thể phát sóng trên truyền hình, có thể làm mạng lưới Internet, có thể làm CD, DVD, có thể in sách, nhưng tất cả đều có tánh chất giống nhau: Khiến cho càng nhiều người biết đến Phật pháp, liễu giải Phật pháp, học tập Phật pháp, có thể đạt được thành tựu thù thắng trong Phật pháp, đó là việc tốt, vô lượng công đức. Cúng dường nhiều thì sao? Cúng

dường nhiều thì chúng tôi đem in những bộ sách lớn. Năm kia, tôi nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán tái bản bộ Tứ Khố Toàn Thư, đặt họ in một trăm bộ. Năm nay đã hoàn thành, sách đã được gửi tới Hương Cảng. Chúng tôi gửi mười bộ tới Úc Châu, mười bộ tới Mã Lai, cũng gửi mười bộ cho Indonesia, vài bộ cho Nhật Bản, phần còn lại sẽ gửi đến các trường đại học ở Đại Lục. Trước, Thế Giới Thư Cục cũng đến tìm tôi, họ muốn tái bản bộ Tứ Khố Hội Yếu. Nghe xong, tôi rất hoan hỷ, bộ này còn hay hơn bộ Toàn Thư, giá trị còn cao hơn bộ Toàn Thư.

Lúc vua Càn Long [xuống chiếu sai các quan] biên soạn bộ sách ấy nhằm mục đích nhằm bảo tồn sách vở của Trung Quốc, chẳng để cho chúng bị mất đi, dụng ý rất tốt. Thuở đó đều là chép tay. Có tất cả bảy bộ Toàn Thư, chia ra cất giữ ở bảy chỗ. Hiện thời, do chiến tranh loạn lạc, Toàn Thư chỉ còn ba bộ rưỡi, [tức là] có một bộ chẳng đầy đủ và ba bộ hoàn chỉnh, sách Hội Yếu dành riêng cho vua xem. Vì thế, trong Toàn Thư, những câu văn không có lợi đối với triều đình nhà Thanh đều bị xóa mất, nhưng trong Hội Yếu thì không bị xóa; [bởi lẽ], Hội Yếu là sách dành cho vua xem, chẳng phải để cho người ngoài xem. Hội Yếu chỉ có hai bộ, một bộ để ở thư phòng của nhà vua, bộ thứ nhì để ở vườn Viên Minh. Vườn Viên Minh bị liên quân Anh Pháp hủy diệt, nên [Hội Yếu] chỉ còn lại một bộ. Bộ này hiện nay được giữ ở Đài Loan, họ dựa trên hình chụp để in lại. Lần in thứ nhất, tôi mua khoảng hơn sáu chục bộ, lúc đó, xuất bản tổng cộng hai trăm bộ, tôi đã mua ước chừng hơn sáu mươi bộ. Tôi là khách mua sách chủ yếu của họ, nên bây giờ họ đến tìm tôi muốn tái bản. Tôi nói: “Tốt lắm, tôi đồng ý mua một trăm bộ”. Thật là tốt, Hội Yếu có giá trị còn cao hơn bộ Toàn Thư, nhưng phân lượng chỉ bằng một phần ba của Toàn Thư. Do đóng bìa cứng thành năm trăm tập, nên chỉ bằng một phần ba bộ Toàn Thư. Nếu tiền cứng đường của tôi nhiều thì tôi in nhiều, in những bộ sách lớn, tiền ít thì in ít, hết thấy đều để làm việc này.

Gần đây tôi còn in một bộ sách nhỏ hơn. Bộ sách này cũng là sách tôi thường tâm niệm. Có đồng tu gửi tặng, chẳng biết là ai tặng nữa, đó là bộ Quân Thư Trị Yếu. Ở đây, tôi giới thiệu đơn giản cùng mọi người. Sách ấy do Đường Thái Tông hạ lệnh biên tập. Chúng ta biết Đường Thái Tông lúc mười sáu tuổi đã theo cha khởi nghĩa, bình định xã hội động loạn thuở ấy, về sau, lên ngôi vua. Lúc làm vua, ông liền nghĩ cách cai trị quốc gia như thế nào? Nhất định phải tìm các tài liệu trị quốc của những triều vua trước, những tài liệu ấy nằm rải rác trong Tứ Khố Toàn Thư (đương nhiên là lúc đó chưa có Tứ Khố Toàn Thư, nhưng hiện nay, dùng chữ Tứ Khố Toàn Thư thì mọi người đều biết), thuộc các phần Kinh, Sử, Tử, Tập. Ông sai Ngụy Trưng là một vị đại thần rất nổi danh đời Đường, [nhà vua] sai Ngụy Trưng làm chủ biên, tìm những phần văn tự có liên quan đến vấn đề trị quốc, tu thân, tề gia, bình thiên hạ trong các tác phẩm thuộc loại Kinh, Sách, Sử, Tử để chép lại, biên soạn thành một bộ sách. Hình như họ dùng đến tất cả sáu mươi mấy

loại sách, sáu mươi mấy loại sách ấy đều có trong Tứ Khố, tổng cộng có khoảng năm mươi mấy vạn chữ. Sau khi sách được soạn xong, Đường Thái Tông mỗi ngày đều đọc. Do sách chẳng rời tay. Đối với nền thịnh trị thời Trinh Quán (Trinh Quán là niên hiệu của Đường Thái Tông), bộ sách này có công hiến vô cùng to tát, rất hay! Vào đời Đường, những người làm quan nhất định phải đọc sách này.

Vì lẽ đó, tôi nghĩ tới bộ sách này, vì đối với chánh trị, trị gia, trị quốc, thậm chí để điều hành xí nghiệp hiện thời, chủ nhân hoặc các vị quản trị xí nghiệp, công ty, và những người làm lãnh đạo đều cần phải biết [những đạo lý trong bộ sách ấy]. Khi đồng học tặng sách này cho tôi, vừa đọc tôi đã rất thích. Sách này được in vào đầu thời Dân Quốc, tám chục năm trước. Sách tám chục năm trước mà tôi mở ra xem, dường như chưa có ai từng đọc, còn rất mới, còn rất sạch. Tôi cũng đưa cho Thế Giới Thư Cục, nhờ họ in cho tôi ba ngàn bộ. Tôi in để làm gì? Để làm quà tặng. Tặng cho ai? Tặng cho những người đang ở trong chánh trường, đang làm quan, làm chủ công ty, tôi dùng làm quà tặng họ. Lúc đó, tôi lập tức nghĩ sẽ tặng sách này cho [những người lãnh đạo trong] đảng Cộng Sản, đảng Quốc Dân, đảng Dân Tiến, đó là chuyện tốt! Sách này in càng nhiều càng hay, từng chữ từng câu đều trân quý, rất đáng đọc. Sách bao gồm những đức hạnh làm người cơ bản, thầy đều đầy đủ, là một cuốn sách rất hay. Muốn phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc, quý vị đọc sách này cũng như đọc sáu mươi mấy loại sách thuộc thể loại Kinh, Sử, Tử, lại có thể khơi gợi hứng thú tìm đọc Tứ Khố.

Còn một loại nữa, lúc tôi có được bộ Hội Yếu thứ nhất, tôi đọc rất thích thú, nên nghĩ có thể trích yếu những phần tinh hoa tốt đẹp trong sách, soạn thành một cuốn sách, tôi đã có ý niệm ấy. Tôi tìm em tôi, tìm những người về hưu ở Trung Quốc, tìm các giáo sư dạy Quốc Văn, tìm ba bốn người, mời họ xem Hội Yếu [để trích lục]. Lúc đó, tôi tặng đại học Phục Đán một bộ. Ở Thượng Hải có hai bộ: Đại học Phục Đán một bộ, thư viện Thượng Hải giữ một bộ. Mời họ xem rồi trích lục. Sau đó, tôi thấy những phần họ trích lục cũng không được hợp lý cho lắm, nên bỏ dở. Gần đây, hằng ngày vẫn nghĩ tới việc này, nào ngờ khi Thương Vụ Ấn Thư Quán khai trương, lúc đó là cuối đời nhà Thanh, tôi chưa ra đời, họ đã soạn một bộ sách gọi là Quốc Học Trị Yếu. Chữ Trị này không phải là Chính Trị, mà là Trị Học. Quốc Học Trị Yếu là một bộ sách gồm tám cuốn dày dường ấy. Có nội dung gì? Bao gồm [những phần trọng yếu về đạo bình trị trong] Kinh, Sử, Tử, Tập của Tứ Khố, phần Tập họ cũng biên soạn. Toàn Thư chỉ có Kinh, Sử, Tử, chẳng có Tập, bộ này có Tập. Tác phẩm này chính là Tiểu Tứ Khố Toàn Thư. Quá lý tưởng! Tôi đã xem và rất thích. Trung Hoa Thư Cục xuất bản [bộ sách ấy] vào năm Dân Quốc mười chín (1930), tôi xem thử có tìm được nguyên bản hay không. Tìm được nguyên bản, tôi cũng muốn in lại với số lượng lớn để tặng thư viện các trường. Đó

là tinh hoa của các sách vở trong Tứ Khố, trích lục những phần tinh hoa, rất có giá trị. Phân lượng của sách này còn nhiều hơn bộ Quần Thư Trị Yếu.

Do đó, tôi thường nói: Phương pháp để phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc là phải có người thật sự phát tâm, suốt đời dốc chí học hỏi, chẳng mong lên chức, chẳng màng phát tài, thì mới làm được chuyện này. Tâm danh lợi nặng nề sẽ chẳng thể làm chuyện này thành công. Tâm danh lợi thật đậm bạc, chúng ta sống trên thế gian này có thể ăn no, mặc ấm, có căn nhà nhỏ để che mưa che nắng là vui sướng lắm rồi, người như vậy mới có thể làm việc này. Họ có thể thật sự làm được chuyện “*vị cổ thánh kế tuyệt học, vị thiên hạ khai thái bình*” (kế thừa cái học tuyệt diệu của bậc cổ thánh, tạo thái bình cho thiên hạ), đó là sự nghiệp thánh hiền, suốt đời thích làm chuyện này, chẳng chán. Vậy thì phải làm sao? Trước hết, phải tu đức hạnh. Chúng tôi thường nói đức hạnh gồm có bốn cội rễ, phải thực hiện được [giáo huấn của] Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi, sốt sắng học tập, dốc sức thực hành. Lại còn phải học thuộc lòng hai trăm bài cổ văn, sẽ chẳng còn gặp chướng ngại nơi chữ nghĩa nữa. Quý vị có thể đọc Tứ Khố, chẳng gặp khó khăn về mặt văn tự, vì đã nắm được chìa khóa, đã lấy được chìa khóa để đọc Đại Tạng Kinh. Quý vị có thể đọc Đại Tạng Kinh, hoặc đọc Tứ Khố Toàn Thư, chẳng bị trở ngại về văn tự. Quý vị có thể đổ công dốc sức mười năm hoặc hai mươi năm học Nho giáo thì nhà Nho hạng nhất của Trung Quốc sẽ xuất hiện. Nếu học Đạo giáo thì sẽ thành thần, thành tiên; học Phật bèn thành Phật, thành Bồ Tát. Dốc sức từ mười năm cho tới hai mươi năm chắc chắn có thể đạt được, Trung Quốc sẽ hưng vượng. Tiên sĩ Thang Ân Tử đã nói: “*Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người Trung Quốc*”, xin thưa với chư vị, đó là thế kỷ của văn hóa Trung Quốc, phải hiểu chuyện này! Văn hóa Trung Quốc không chỉ có thể cứu quốc gia dân tộc của chính mình, mà còn có thể cứu cả thế giới, toàn thế giới đều cần đến. Điều này dựa trên kinh nghiệm mười năm gần đây của tôi. Tôi tiếp xúc các tôn giáo khác, các chủng tộc khác, các vị lãnh đạo của nhiều quốc gia, tôi giới thiệu văn hóa truyền thống Trung Quốc cho họ, chẳng có ai không hoan hỷ, họ đều có thể tiếp nhận, rất khó có! Chúng ta phải trân quý, phải nỗ lực, thật sự phát nguyện đến thế gian này để làm chuyện lớn lao, cuối cùng, đừng quên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật! Đến thế giới Cực Lạc để thành Phật.

Tiếp đó, tướng thứ hai mươi tám: “*Phạm âm thâm viễn tương*” (tướng Phạm âm sâu xa). “*Phạm âm*” nghĩa là thanh tịnh, tức là âm thanh của Phật thanh tịnh, có thể nghe được từ xa, chẳng cần phải dùng máy khuếch âm, từ rất xa cũng có thể nghe rõ ràng, có tướng tốt như vậy. Điều này cũng khiến cho chúng ta nghĩ tới lúc đức Thế Tôn tại thế, chẳng có khoa học tiên tiến như ngày nay, chẳng có thiết bị khuếch âm, nhất là nơi đồng trống, lúc giảng kinh phần lớn là trong rừng, hoặc bên bờ sông, ba ngàn người, nói chuyện mà người ta có thể nghe rõ ràng. Chúng ta

sẽ thắc mắc [vì sao ba ngàn người có thể nghe rõ], đọc tới tướng hảo này, chúng ta liền hiểu: Âm thanh của Phật chẳng giống âm thanh của phàm phu chúng ta, có thể nghe từ xa.

Tướng thứ hai mươi chín: “*Nhãn sắc như cảm thanh tướng*” (tướng màu mắt như màu cảm thanh), [cảm thanh (紺青)] là tướng trông mắt màu xanh biếc hơi pha sắc đỏ.

Tướng thứ ba mươi: “*Nhãn tiệp như ngư vương tướng, nhãn mao thù thắng*” (Tướng lông mi như râu chúa, lông mày thù thắng), giống như lông mi của râu, rất rõ ràng, rất ngay ngắn, chẳng rối loạn tí nào.

Tướng thứ ba mươi một: “*Mi gian bạch hào tướng*” (Tướng bạch hào giữa hai chân mày). Thật ra, [vệt tròn sáng lóng lánh giữa hai mày của tượng Phật] chẳng phải là một hạt châu, mà là hai sợi lông cuộn tròn ở chính giữa hai chân mày, cuộn theo chiều phải và còn phóng quang. Đức Phật thường phóng hào quang từ chỗ này.

Tướng thứ ba mươi hai: “*Đảnh thành nhục kế tướng*” (trên đỉnh đầu có tướng nhục kế). Chúng ta thấy tượng Phật, trên phần trước của đỉnh đầu có một khối màu đỏ, đó là Nhục Kế (肉髻), còn gọi là Vô Kiến Đảnh Tướng. Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ, nhiều người có thần thông, muốn bay lên hư không để nhìn đảnh đầu Phật, nhưng nhìn không được vì chỗ đó phóng quang. Đỉnh đầu phóng quang nên nhìn không thấy, chỗ đó gọi là Vô Kiến Đảnh Tướng³.

“*Vọng Tây sư viết: Y thử nguyện cố, chúng sanh sanh giả, giai cụ chư tướng, bất giả tu đắc*” (Su Vọng Tây nói: “Do bởi nguyện ấy, các chúng sanh đã vãng sanh đều đủ các tướng, chẳng cần tu mà tự đạt được”). Quý vị thấy Bồ Tát thành Phật phải tu, phải dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước thì mới có ba mươi hai tướng tốt. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới được tiện nghi quá lớn, sanh về thế giới Cực Lạc, do quả báo liền đạt được, trọn đủ, chẳng cần phải tu. “*Cụ túc thử tướng, vi hoa khai hậu*” (Có đầy đủ các tướng đó sau lúc hoa sen nở), hay là trước khi hoa nở? Có người hỏi rốt cuộc là trước khi hay sau khi hoa sen đã

³ Vô kiến đảnh tướng: Chỉ tướng nhục kế trên đảnh đầu Phật. Vì đảnh đầu Phật có thịt dồn lên như hình búi tóc, nên gọi là Nhục Kế. Từ nhục kế tỏa ra hào quang vô lượng, ngay cả những vị Thập Địa Bồ Tát chỉ thấy được một phần, ngoài ra không ai thấy được tướng trạng của nhục kế, nên gọi là “vô kiến đảnh tướng”. Trong kinh Bảo Tích có chép ngài Mục Kiền Liên ý vào sức thần thông bay lên không trung, vượt qua vô lượng thế giới để nhìn cho rõ đảnh tướng của Phật Thích Ca, nhưng Ngài vẫn không thấy được.

nở? “*Đáp: Bất đĩi hoa khai, thị sanh đắi có*” (Đáp: Chẳng đợi hoa nở, vừa sanh đến liền có). Đúg là có sẵn các tướng ấy khi vừa sanh vào [hoa sen trong cõi Cực Lạc]. Lúc quý vị ở trong hoa sen, khi hoa chưa nở, các tướng hảo ấy đã hoàn toàn trọn đủ. Ở đây, tôi tiết lộ một tin tức cho quý vị biết: Không chỉ là ba mươi hai tướng, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Ba mươi hai tướng là đức Phật nói phương tiện. Đến thế giới Cực Lạc, quý vị mới phát hiện sự thù thắng khôn sánh này, sẽ cảm ơn Thích Ca Mâu Ni Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây thôi.